

HƯỚNG DẪN HỌC SINH TỰ HỌC MÔN NGỮ VĂN 6

(Đối với học sinh không thể học tập trực tuyến)

BÀI 1: LẮNG NGHE LỊCH SỬ NƯỚC MÌNH

A. TRI THỨC NGỮ VĂN

I. Tìm hiểu chung về truyện truyền thuyết.

1. Khái niệm

- *Truyện truyền thuyết* là loại truyện dân gian, có yếu tố hoang đường, kì ảo, kể về các sự việc và nhân vật liên quan đến lịch sử hoặc giải thích nguồn gốc phong tục, cảnh vật địa phương theo quan niệm của nhân dân.

2. Đặc điểm:

a, Cách xây dựng nhân vật.

- Nhân vật thường có đặc điểm khác lạ về lai lịch, phẩm chất, tài năng, sức mạnh...
- Thường gắn với sự kiện lịch sử và có công lao lớn đối với cộng đồng.
- Được cộng đồng truyền tụng và tôn thờ.

b. Cốt truyện.

Thường xoay quanh công trạng, kì tích của nhân vật mà cộng đồng truyền tụng, tôn thờ.

- Thường sử dụng yếu tố kì ảo nhằm thể hiện tài năng, sức mạnh khác thường của nhân vật.

- Cuối truyện thường gợi nhắc dấu tích xưa còn lưu lại đến hiện tại.

c. Phân loại:

+ Truyện thuyết thời Hùng Vương - thời đại mở đầu lịch sử Việt Nam. Đặc điểm: gắn với việc giải thích nguồn gốc dân tộc và công cuộc dựng nước, giữ nước thời đại vua Hùng.

+ Truyện thuyết của các triều đại phong kiến. Đặc điểm: bám sát lịch sử hơn, và sử dụng ít yếu tố hoang đường, kì ảo hơn các truyện thuyết thời Hùng Vương.

B. VĂN BẢN: THÁNH GIÓNG

I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG

1. Tìm hiểu chú thích và giải thích từ khó

(SGK-T15, 16, 17, 18)

2. Bố cục văn bản: Văn bản chia làm 4 phần

- Phần 1: Từ đầu đến “...đặt đâu nằm đấy” (Sự ra đời của Thánh Gióng)
- Phần 2: Tiếp đến “...cứu nước” (Sự lớn lên của Thánh Gióng)
- Phần 3: Tiếp đến “...bay lên trời” (Thánh Gióng đánh giặc và về trời)
- Phần 4: Còn lại (các dấu tích còn lại)

3. Nhân vật và sự việc:

- Nhân vật chính: Thánh Gióng
- Truyền thuyết Thánh Gióng liên quan đến sự thật lịch sử ở thời đại Hùng Vương:
 - + Đã có những cuộc chiến tranh ác liệt diễn ra giữa dân tộc ta và giặc ngoại xâm từ phương Bắc.
 - + Người Việt thời bấy giờ đã chế tạo ra vũ khí bằng sắt, thép.
 - + Người Việt cổ đã cùng đoàn kết đứng lên chống giặc ngoại xâm, dùng tất cả các phương tiện để đánh giặc.

- Sự việc chính:

- (1) Sự ra đời kì lạ
- (2) Tiếng nói đầu tiên xin đi đánh giặc
- (3) Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, giáp sắt
- (4) Gióng vươn vai trở thành tráng sĩ
- (5) Gióng nhổ tre bên đường đánh giặc
- (6) Gióng bay về trời

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Sự ra đời của Thánh Gióng

- *Sự bình thường:*

Con hai vợ chồng ông lão chăm chỉ làm ăn và phúc đức.

- *Sự khác thường:*

+ bà mẹ ướm vết chân lạ, về thụ thai.

+ mười hai tháng sau sinh một cậu bé

+ lên ba vẫn không biết nói, biết cười, chẳng biết đi, cứ đặt đâu thì nằm đấy.

-> *Sự ra đời của Thánh Gióng kì lạ, khác thường. Nhưng Gióng xuất thân bình dị, gần gũi - người anh hùng của nhân dân.*

2. Sự lớn lên của Thánh Gióng

a. Tiếng nói đầu tiên, Gióng xin đi đánh giặc.

+ *Ca ngợi lòng yêu nước tiềm ẩn...*

+ *Nguyện vọng, ý thức tự nguyện đánh giặc cứu nước, yêu nước tạo khả năng kì lạ.*

+ *Sức mạnh tự cường và niềm tin chiến thắng.*

b. Gióng đòi roi sắt, ngựa sắt, áo giáp sắt.

-> Vũ khí lợi hại

→ *Chi tiết thể hiện mơ ước có vũ khí thần kỳ. Đó còn là thành tựu văn hoá, kĩ thuật thời Hùng Vương. Nhân dân đã có sự tiến bộ, đã rèn sắt, đúc đồng phục vụ nhu cầu cuộc sống và chống giặc.*

c. Bà con dân làng góp gạo nuôi Gióng.

-> Tinh thần đoàn kết cộng đồng. Đánh giặc cứu nước là ý chí, sức mạnh toàn dân.

Gióng lớn lên bằng cơm gạo của nhân dân. Sức mạnh của Gióng là sức mạnh của cả cộng đồng, toàn dân chung sức, đồng lòng đánh giặc. Đó là tinh thần đoàn kết dân tộc.

3. Thánh Gióng đánh giặc và bay về trời

a. Vùng dậy vươn vai biến thành tráng sĩ.

→ sự lớn dậy phi thường về thể lực của Gióng để đáp ứng yêu cầu cứu nước.

- *Gióng mặc áo giáp sắt, cầm roi sắt, cưỡi ngựa sắt ... đánh hết lớp này đến lớp khác.*

→ Đó là vẻ đẹp dũng mãnh của người anh hùng theo cái nhìn lí tưởng hoá của nhân dân.

- *Roi sắt gãy, Gióng nhổ những bụi tre bên đường đánh giặc.*

→ Gióng không chỉ đánh giặc bằng vũ khí hiện đại (sắt) mà bằng cả vũ khí thô sơ, bằng cỏ cây, hoa lá của đất nước.

b. Gióng bay về trời.

→ Người anh hùng vô tư, trong sáng, không màng địa vị, công danh.

→ Sự ra đời phi thường là ước muốn bất tử hoá Thánh Gióng

***Nội dung**

- Thánh Gióng là biểu tượng rực rỡ của lòng yêu nước, sức mạnh phi thường của dân tộc.

- Thể hiện ước mơ của nhân dân về người anh hùng đánh giặc.

***Nghệ thuật**

Sử dụng các yếu tố hoang đường, kì ảo để lí tưởng hoá người anh hùng lịch sử, thể hiện quan niệm, cách đánh giá của nhân dân về người anh hùng.

VĂN BẢN: SỰ TÍCH HỒ GƯƠM

I. ĐỌC – TÌM HIỂU CHUNG:

1. Đọc.

2. Chú thích (sgk)

3. Tóm tắt truyện.

*** Kể tóm tắt các sự việc chính:**

- Giặc Minh đô hộ, nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhưng thất bại, Long Quân quyết định cho mượn gươm thần.
- Lê Thận được lưỡi gươm dưới nước.
- Lê Lợi được chuôi gươm trên rừng, tra vào nhau vừa như in.
- Từ đó nghĩa quân nhanh chóng quét sạch giặc ngoại xâm.
- Đất nước thanh bình, Lê Lợi lên làm vua, Long Quân cho đòi lại gươm thần.
- Vua trả gươm, từ đó hồ Tả Vọng mang tên Hồ Gươm hay hồ Hoàn Kiếm.

4. Bố cục : 2 phần

- Phần 1. Từ đầu → đất nước : Long Quân cho nghĩa quân mượn gươm thần.
- Phần 2. Còn lại : Long Quân đòi lại gươm thần.

II. ĐỌC – HIỂU VĂN BẢN

1. Long Quân cho nghĩa quân Lam Sơn mượn gươm thần.

a. Hoàn cảnh lịch sử.

- Giặc Minh đô hộ.
- Nghĩa quân Lam Sơn nổi dậy nhiều lần bị thua.

b. Cách Long Quân cho mượn gươm

- Lê Thận là người đánh cá nhặt được lưỡi gươm dưới nước.
- Lê Lợi đến nhà Lê Thận, thanh gươm sáng lên 2 chữ “Thuận thiên”

- Lê Lợi nhặt được chuôi gươm trên rừng (gươm sáng trên ngọn cây đa) .

- Gươm tra vào vừa như in.

→ Chi tiết kì ảo, hoang đường

c. Lê Thận dâng gươm cho Lê Lợi và nói: “ Đây là ý trời ...theo minh công”:

- Lê Thận tin tưởng vào Lê Lợi

- Thanh gươm gặp được minh chủ sử dụng vào việc lớn, hợp lòng dân, thuận ý trời.

→ Việc Long Quân cho mượn gươm thần chứng tỏ cuộc khởi nghĩa được tổ tiên, thần thiêng ủng hộ

→ Tính chất toàn dân trên dưới một lòng tham gia đánh giặc..

d. Sức mạnh của gươm thần:

*** Trước khi có gươm :**

- Non yếu.

- Trốn tránh.

- Ăn uống khổ sở

*** Sau khi có gươm :**

- Nhuệ khí tăng tiến

- Xông xáo tìm địch

- Đầy đủ, chiếm được các kho lương của địch

→ Chuyển bại thành thắng, chuyển yếu thành mạnh, tạo bước ngoặt mở đường cho nghĩa quân quét giặc ngoại xâm.

2. Long Quân đòi gươm

a. Hoàn cảnh lịch sử

- Đất nước thanh bình.

- Lê Lợi lên làm vua.

b. Cảnh trả gươm:

- Ở hồ Tả Vọng

- Một năm sau khi đuổi giặc Minh

- Nhân vật đòi gươm: Rùa Vàng

- Vua nâng gươm → Rùa vàng đớp lấy rồi chìm xuống đáy hồ.

- Chi tiết đòi gươm:

+ Giải thích tên gọi của Hồ Hoàn Kiếm

+ Đánh dấu và khẳng định chiến thắng hoàn toàn của nghĩa quân Lam Sơn.

+ Phản ánh tư tưởng, tình cảm yêu hoà bình đã thành truyền thống của nhân dân ta.

+ Ý nghĩa cảnh giặc răn đe với những kẻ có ý dòm ngó nước ta.

1. Nghệ thuật

Cốt truyện hấp dẫn, đan xen chi tiết lịch sử và chi tiết hoang đường, kì ảo.

2. Nội dung - Ca ngợi tính chất toàn dân, chính nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn. Đề cao, suy tôn Lê Lợi và nhà Lê.

- Giải thích nguồn gốc tên gọi Hồ Hoàn Kiếm.

C. Đọc kết nối chủ điểm:

HỘI THÔI CƠM THI Ở ĐỒNG VÂN

1. Mục đích, nguồn gốc hội thi.

- **Nguồn gốc:** bắt nguồn từ các cuộc truy quân đánh giặc của người Việt cổ bên dòng sông Đáy xưa.

- **Mục đích:**

+ Hội thi là dịp để trai tráng trong làng đua tài khoẻ mạnh, thông minh khi lấy lửa, là dịp gái làng thể hiện bàn tay khéo léo để có cơm dẻo tiếp binh lương.

+ Hội thi còn mang đến những tiếng cười hồn nhiên, sáng khoái của người nông dân sau những ngày lao động mệt mỏi.

2. Diễn biến cuộc thi

- Hội thi bắt đầu bằng việc lấy lửa trên ngọn cây chuối cao, người dự thi các đội leo nhanh lên thân cây chuối rất trơn để lấy được nén hương mang xuống

→ Đây là một việc làm khó khăn, thử thách sự khéo léo của mỗi đội.

- Khi có nén hương, ban tổ chức sẽ phát cho 3 que diêm châm vào để cháy thành ngọn lửa.

- Người trong đội sẽ vót tre thành chiếc đĩa bông châm lửa và đốt vào ngọn đuốc. Những nôi cơm được cắm rất khéo léo từ dây lưng uốn về trước mặt.

- Tay cầm cần, tay cầm đuốc đứng đưa cho ánh lửa bập bùng.

- Trong khi một thành viên của đội lấy lửa thì những người khác mỗi người một việc như người ngồi vót những thanh tre già thành những chiếc đĩa bông, người giã thóc, người giã sàng thành gạo.

→ Các thành viên của mỗi đội thổi cơm thi đều phối hợp nhịp nhàng ăn ý với nhau

- Sau khi có lửa, người ta lấy nước và bắt đầu thổi cơm. Vừa nấu cơm, các đội vừa đan xen uốn lượn trên sân đình trong sự cổ vũ của người xem.

- Đội nào nấu được cơm trắng, dẻo thơm, không cháy sẽ nhận được giải thưởng.

→ Việc giặt giải trong cuộc thi là niềm tự hào khó có gì sánh được của dân làng, vì giải thưởng là một minh chứng, là kết quả của sự nỗ lực, sự khéo léo, nhanh nhẹn, thông minh của cả tập thể.

=> Có nhiều nét độc đáo về quy trình lấy lửa cũng như cách nấu.

3. Ý nghĩa của hội thi.

Hội thi thể hiện được nét đẹp truyền thống của con người Việt Nam. Đó là sự khéo léo và nhanh nhẹn, sáng tạo...

=> Hội thi như một cách thư giãn tinh thần, rèn luyện sức khỏe nhằm nâng cao ý nghĩa cuộc sống.

=> Thể hiện sự đoàn kết, ý thức cộng đồng.

- Hội thi giúp chúng ta hiểu thêm về lịch sử, về những lễ hội xa xưa của cha ông ta được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Qua đó tôn vinh những nét đẹp của văn hoá dân tộc, của nghề trồng lúa nước.

E. THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT

I. Nhắc lại kiến thức về từ đơn, từ phức (từ ghép, từ láy)

***Từ đơn** là từ được cấu tạo bởi chỉ một tiếng.

VD: sách, bút, tre, gỗ....

* **Từ phức** là từ được cấu tạo từ hai tiếng trở lên.

VD: xe đạp, bàn gỗ, sách vở, quần áo, lớp lánh...

* **Phân biệt các loại từ phức:** Từ phức được chia ra làm hai loại là Từ ghép và Từ láy.

+ **Từ ghép**: là những từ có cấu tạo từ hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt nghĩa.

Căn cứ vào quan hệ mặt nghĩa giữa các tiếng trong từ ghép, người ta chia làm hai loại: *từ ghép đẳng lập* và *từ ghép chính phụ*

VD: sách vở, bàn ghế, quần áo (từ ghép đẳng lập)

Xe đạp, lớp xe, (từ ghép chính phụ)

+ **Từ láy**: là những từ được cấu tạo bởi hai tiếng trở lên, giữa các tiếng có quan hệ với nhau về mặt âm. Trong từ láy chỉ có một tiếng gốc có nghĩa, các tiếng khác lấy lại tiếng gốc

VD: Lung linh, xinh xinh, đo đo..

Từ láy chia ra làm hai loại: *Láy bộ phận* (lấy âm và lấy vần) và *láy toàn bộ*